

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 647/2026/DS-PT
Ngày: 25 - 6 - 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chê Linh

Ông Phạm Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 461/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 647/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Tấn Đ**, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trương Vương Q**, sinh năm 1979, địa chỉ: khu V, phường V, thành phố Cần Thơ và bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp I, xã V, thành phố Cần Thơ. (Theo giấy ủy quyền ngày 02/6/2026). (Ông Q và bà H có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1950; địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Huỳnh Quốc T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Theo giấy ủy quyền ngày 08/6/2026). (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị L1 (đã chết ngày 22/8/2024):*

Ông **Nguyễn Văn T1**; bà **Nguyễn Thị B**; ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1967, ông **Nguyễn Văn T3**; ông **Nguyễn Văn T4**; bà **Nguyễn Thị Mỹ D**; ông **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1976; ông **Nguyễn Văn T5**; sinh năm 1978; cùng địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Ông **Nguyễn Văn T6**, sinh năm 1970; địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Nay là: khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Cháu **Đặng Thị Kim T7**; cháu **Đặng Thị Ngọc T8**; người đại diện theo pháp luật của Đặng Thị Kim T7 và Đặng Ngọc T8: Ông **Đặng Ngọc T9**; cùng địa chỉ: ấp B, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3.2. *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn M:*

Bà **Huỳnh Thị K**, sinh năm 1973; Bà **Huỳnh Thị Bé H1**; cùng địa chỉ: ấp B, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Bà **Huỳnh Thị H2**, bà **Huỳnh Thị L2**, bà **Huỳnh Thị Lan H3**; cùng địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3.3. *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Hiếu N:*

Bà **Huỳnh Cẩm T13**, sinh năm 1975; địa chỉ cũ: số I, đường B, khu dân cư E, T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Nay là: số I, đường B, khu dân cư E, T, phường P, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3.4. Ông **Huỳnh Văn B1**, sinh năm 1951; địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn B1: Ông **Huỳnh Quốc T**, sinh năm 1982; Nay địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Theo Giấy ủy quyền ngày 17/4/2019). (Có mặt).

3.5. Ông **Huỳnh Văn Q1**, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

3.6. Ông **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn C: Ông **Huỳnh Quốc T**, sinh năm 1982; Nay địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Theo Giấy ủy quyền ngày 17/4/2019). (Có mặt).*

3.7. Bà **Nguyễn Ngọc T10** (Huỳnh Ngọc T11), sinh năm 1960; địa chỉ: Số A, N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Nay là: 112/298B, N, phường N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3.8. Bà **Huỳnh Thị L3**, sinh năm 1962; địa chỉ: địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3.9. Ngân hàng N6

Địa chỉ: số B, đường L, phường T, thành phố Hà Nội. Nay là số 02 đường L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H4 – Giám đốc Chi nhánh V1.

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Phước G** – Trưởng phòng Khách hàng A1 Chi nhánh V1. (Vắng mặt).*

Địa chỉ: ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp C, xã V, thành phố Cần Thơ.

3.10. Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1968. (Vắng mặt).

3.11. Chị **Huỳnh Thị Chăm A**, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

3.12. Anh **Huỳnh Pha Lê Vĩ N2**, sinh năm 1993. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

3.13. Bà **Huỳnh Thị X**; địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3.14. Bà **Huỳnh Thị D2**; địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3.15. Ông **Huỳnh Văn T12**, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Nay là: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3.16. Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ; địa chỉ: ấp D, xã V, thành phố Cần Thơ (Đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang). (Vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* ông **Huỳnh Tấn Đ** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày và trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày:

Về nguồn gốc phần đất: Nguồn gốc là của cha ông là ông Huỳnh Văn C1 (đã chết ngày 14/10/1997 âm lịch), mẹ tên Trịnh Thị B2 đã chết năm 1978 để lại cho ông từ năm 1985 (không có làm văn bản). Ông sử dụng từ năm 1985 đến năm 1997. Năm 1996, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở ông trực tiếp sử dụng.

Từ năm 1997 đến nay bà L sử dụng phần đất tranh chấp. Phần đất tranh chấp ông đang đứng tên chủ sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000050 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp năm 1996 (giấy chứng nhận không có ghi cụ thể ngày cấp) cho Hộ Huỳnh Tấn Đ (đính chính trang 4 cấp cho ông Huỳnh Tấn Đ). Bà L cho rằng bà thờ cúng cha mẹ nên có quyền sử dụng đất. Ông có ngăn cản nhưng không được. Đến năm 2015, bà L yêu cầu hủy giấy chứng nhận của ông nhưng bà L rút đơn khởi kiện. Năm 2016 ông khởi kiện yêu cầu bà L trả đất.

Hiện tại ông thế chấp vay Ngân hàng N6 – chi nhánh huyện V1 vay số tiền là 100.000.000 đồng.

Trên phần đất tranh chấp có nhà bà L xây năm 2015 (bà L sống một mình). Bà L xây nhà ông có ngăn cản nhưng không báo chính quyền địa phương.

Ngoài ra có cây trồng: Một phần do ông trồng, một phần do cha ông trồng.

Nay ông yêu cầu bà L trả lại cho ông phần đất thuộc các thửa số 246, 247, 681 thuộc tờ bản đồ số 8 với tổng diện tích theo kết quả đo đạc thực tế tại ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Về căn nhà trên đất ông yêu cầu bà L di dời đi. Ông không bồi thường chi phí cho bà L.

Bị đơn bà Huỳnh Thị L có yêu cầu phản tố:

Phần đất có nguồn gốc là của cha bà L là ông Huỳnh Văn C1. Ông C1 để lại di chúc với nội dung để lại cho bà L phần đất tranh chấp. Bà L sống chung với ông C1 cho đến khi ông C1 mất. Bà L sinh sống trên phần đất tranh chấp từ nhỏ cho đến nay.

Huỳnh Văn C1 đã chết năm 1997, vợ tên Trịnh Thị B2 đã chết năm 1978. Ông Huỳnh Văn C1 và bà Trịnh Thị B2 có 10 người con là Huỳnh Thị L1, Huỳnh Văn M (ông M chết trước ông C1, khoảng đầu năm 1997, ông M có 06 người con gồm Huỳnh Thị K, Huỳnh Thị Bé H1, Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị L2, Huỳnh Thị Lan H3 và 01 người con trai đã chết lúc 03 tuổi), ông Huỳnh Văn N3 (là liệt sĩ hy sinh khoảng năm 1974, ông N3 có 01 người con là Huỳnh Cẩm T13), Huỳnh Thị L, Huỳnh Văn B1, Huỳnh Văn Q1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Tấn Đ, Nguyễn Ngọc T10, Huỳnh Thị L3.

Bà L giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu được công nhận phần đất đang tranh chấp cho bà L và ông Đ có nghĩa vụ tách quyền sử dụng đất cho bà L đứng tên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L3 và bà Nguyễn Ngọc T10 (Huỳnh Ngọc T11) trình bày:

Bà là em ruột của ông Đ và bà L, cha bà tên Huỳnh Văn C1 đã chết năm 1997, mẹ tên Trịnh Thị B2 đã chết năm 1978. Cha mẹ có 10 người con là Huỳnh Thị L1, Huỳnh Văn M (đã chết trước ông C1, khoảng đầu năm 1997, ông M có 06 người con gồm Huỳnh Thị K, Huỳnh Thị Bé H1, Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị L2, Huỳnh Thị Lan H3 và 01 người con trai đã chết lúc 03 tuổi), ông Huỳnh Văn N3 (là liệt sĩ hy sinh khoảng năm 1974, ông N3 có 01 người con là Huỳnh Cẩm T13), Huỳnh Thị L, Huỳnh Văn B1, Huỳnh Văn Q1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Tấn Đ, Nguyễn Ngọc T10, bà Huỳnh Thị L3.

Khi cha bà còn sống đã cho đất cho các anh trai ai cũng có phần cha không có cho con gái nhưng vì chị L ở nuôi cha nên cha có cho chị L. Khi cha bà còn sống có lập Tờ di chúc cho chị L phần đất này có tất cả các con ký tên, bà cũng có ký (chỉ có ông Đ không ký vì ông Đ bận công việc). Phần đất này do cha bà đứng tên nhưng bà không hiểu vì lý do gì ông Đ được đứng tên phần đất này. Bà xác định là bà không có ký tên vào giấy tờ nào để sang tên cho ông Đ.

Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này, phần đất tranh chấp là của cha bà cho chị L. Vì bà không có yêu cầu gì trong vụ án nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/5/2020 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn M là bà Huỳnh Thị K trình bày:

Bà là con ruột của ông Huỳnh Văn M, cha bà chết năm 1997 chết trước ông nội bà là Huỳnh Văn C1 vài tháng, cha bà có 06 người con gồm Huỳnh Thị K, Huỳnh

Thị Bé H1, Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị L2, Huỳnh Thị Lan H3 và 01 người anh trai đã chết lúc 03 tuổi). Bà nội tên Trịnh Thị B2 đã chết năm 1978. Ông bà nội có 10 người con là Huỳnh Thị L1, Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn N3 (là liệt sĩ hy sinh khoảng năm 1974, ông N3 có 01 người con là Huỳnh Thị Cẩm T13), Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Văn B1, Huỳnh Văn Q1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Tấn Đ, Huỳnh Ngọc T11 (Nguyễn Ngọc T10), Huỳnh Thị L3.

Theo bà được biết khi ông nội bà còn sống đã cho đất cho các cô chú ai cũng có phần. Phần đất tranh chấp là của ông nội bà cho cô L vì cô L không có gia đình ở nuôi ông nội đến khi chết. Phần đất này trước đây là do ông nội bà đứng tên nhưng bà không biết lý do gì ông Đ đứng tên. Khi nghe Tòa án thông báo bà mới biết. Về Tờ di chúc của ông nội thì bà không được rõ vì bà là cháu nên không biết chuyện của ông nội và các cô chú.

Các chị em bà là Huỳnh Thị Bé H1, Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị L2, Huỳnh Thị Lan H3 hiện đang đi làm Công ty ở thành phố Hồ Chí Minh nên không xin nghỉ được và các chị em bà cũng không có yêu cầu gì. Bà yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/5/2020 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn Nghĩa L4 bà Huỳnh Cẩm T13 trình bày:

Bà là con ruột của ông Huỳnh Văn N3, cha bà chết năm 1974 (là liệt sĩ), cha bà chỉ có 01 mình bà là con. Ông nội tên Huỳnh Văn C1 chết năm 1997, bà nội tên Trịnh Thị B2 đã chết năm 1978. Ông bà nội có 10 người con là Huỳnh Thị L1, Huỳnh Văn M (đã chết), ông Huỳnh Văn N3, Huỳnh Thị L, Huỳnh Văn B1, Huỳnh Văn Q1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Tấn Đ, Huỳnh Ngọc T11 (Nguyễn Ngọc T10), Huỳnh Thị L3.

Theo bà được biết khi ông nội bà còn sống đã cho đất cho các cô chú ai cũng có phần và ông nội cũng có cho bà 02 công đất ruộng nhưng hiện ông Đ đang quản lý sử dụng không liên quan đến phần đất tranh chấp. Phần đất tranh chấp là của ông nội bà cho cô L vì cô L không có gia đình ở nuôi ông nội đến khi chết. Phần đất này trước đây là đất gốc của ông nội nhưng bà không biết ai đứng tên. Bà có nghe các cô chú nói về Tờ di chúc của ông nội cho đất cho cô L nhưng bà không được rõ và cũng chưa được nhìn thấy.

Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này, phần đất tranh chấp là ông nội cho cô L. Đối với phần đất của bà hiện ông Đ đang sử dụng khi nào có yêu cầu bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Vì bà không có yêu cầu gì trong vụ án nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn B1 trình bày:

Ông là anh ruột của ông Đ và là em ruột của bà L, cha ông tên Huỳnh Văn C1 đã chết năm 1997, mẹ tên Trịnh Thị B2 đã chết năm 1978. Cha mẹ có 10 người con là Huỳnh Thị L1, Huỳnh Văn M (đã chết trước ông C1, khoảng năm 1996, ông M có 06 người con gồm Huỳnh Thị K, Huỳnh Thị Bé H1, Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị L2, Huỳnh Thị Lan H3 và 01 người con trai đã chết lúc 03 tuổi), ông Huỳnh Văn N3 (là liệt sĩ hy sinh khoảng năm 1974, ông N3 có 01 người con là Huỳnh Thị Cẩm T13), Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn B1, Huỳnh Văn Q1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Tấn Đ, Huỳnh Ngọc T11 (Nguyễn Ngọc T10), Huỳnh Thị L3.

Khi cha ông còn sống đã cho đất cho các anh em ai cũng có phần. Phần đất tranh chấp là của cha ông cho bà L vì bà L nuôi cha đến khi chết. Khi cha ông còn sống có lập Tờ di chúc cho bà L phần đất này có tất cả các con ký tên, ông cũng có ký (chỉ có ông Đ không ký). Phần đất này do cha ông đứng tên nhưng ông không hiểu vì lý do gì ông Đ được đứng tên phần đất này. Ông xác định là ông không có ký tên vào giấy tờ nào để sang tên cho ông Đ.

Vì sức khỏe ông không tốt nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Q1 trình bày:

Về việc phân chia đất đai cho các con của ba ông là ông Huỳnh Văn C1 theo sự hiểu biết của ông từ đến nay, các con có vợ chồng riêng, việc cho ai bao nhiêu tự ý cha ông quyết chứ không có bàn bạc với các con và cũng không có việc lập di chúc thừa kế cho ai. Việc tranh chấp xảy ra là do phát sinh mâu thuẫn nội bộ trong gia đình. Anh em cũng đã nhiều lần mời ông về để họp anh em nhằm hòa giải việc tranh chấp đất đai. Gần đây giữa chị thứ S và em út của ông (Huỳnh Tấn Đ) lại tiếp tục diễn ra tranh chấp, kiện tụng vì chị S cho rằng em ông đã làm bằng khoán chiếm hết đất đai của chị trước đó phía chị S đã có làm Tờ di chúc yêu cầu ông phải ký tên xác nhận vì lý do sợ em ông chiếm hết đất đai và đuổi chị S. Nghe vậy, ông cũng chấp thuận ký tên vì lý do đó, tuy nhiên, bản di chúc đó không có giá trị pháp lý bởi không phải do cha ông lập ra trước khi mất. Trên thực tế bản di chúc phải được thành lập khi cha mẹ còn đủ minh mẫn và phải họp đủ mặt các con trong gia đình để phân chia

tài sản, tiếp đến thống nhất ký tên. Đồng thời bản di chúc phải được đóng dấu và có chữ ký xác nhận của Ủy B3 nhân dân xã nơi cư trú.

Như đã nêu trên thì bản di chúc mà ông được yêu cầu ký tên hoàn toàn không thỏa mãn các điều kiện sau:

- Không được tạo lập lúc sinh thời khi cha ông còn minh mẫn.
- Chữ viết không phải do cha ông viết và cũng không được cha ông xác nhận ủy thác ai đó thành lập.
- Không có sự hiện diện và thống nhất của đầy đủ các thành viên trong gia đình.
- Không có đóng dấu và chữ ký xác nhận của Ủy ban nhân dân xã.

Ông cũng xin từ chối nhận phần tài sản đang tranh chấp và không có yêu gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án huyện V sớm giải quyết cho thấu tình đạt lý vì đây đâu sao cũng là anh chị em ruột.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C trình bày:

Phần đất có nguồn gốc là của ông Huỳnh Văn C1. Ông C1 trước khi chết có để lại di chúc với nội dung để lại cho bà L phần đất tranh chấp.

Ông Huỳnh Văn C1 có 10 người con: Bà Huỳnh Thị Lê . Ông Huỳnh Văn M, chết tháng 4 năm 1997 âm lịch (chết trước ông Huỳnh Văn C1). Ông M có 05 người con là Huỳnh Thị K, Huỳnh Thị Bé H1, Huỳnh Thị H2, Huỳnh Thị L2, Huỳnh Thị Lan H3. Bà K, bà Bé H1 có địa chỉ tại ấp B, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Những người khác không biết rõ địa chỉ; Ông Huỳnh Hiếu N, chết năm 1974. Ông N có 01 người con là Huỳnh Thị Cẩm T13; bà Huỳnh Thị L; ông Huỳnh Văn B1; ông Huỳnh Văn Q1; ông Huỳnh Văn C; ông Huỳnh Tấn Đ; bà Huỳnh Ngọc T11; bà Huỳnh Thị L3. Bà L sống chung với ông C1 cho đến khi ông C1 mất. Bà L sinh sống trên phần đất tranh chấp từ nhỏ cho đến nay. Ông C1 trước khi chết có để lại di chúc với nội dung là cho bà L có quyền sử dụng phần đất tranh chấp hiện nay. Di chúc là do bà Huỳnh Ngọc T11 viết hộ cho ông C1. Ông Huỳnh Văn C thống nhất với ý kiến của bà L. Ông B1 và ông C không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/6/2020 đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N6 trình bày:

Ông Huỳnh Tấn Đ có ký hợp đồng tín dụng với 02 món vay. Tổng cộng số tiền vay là 100.000.000 đồng. Ông Đ thực hiện tốt nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng và hợp đồng chưa đến hạn. Ông Đ có thể chấp quyền sử dụng đất do ông Đ đứng tên

nếu trừ phần đất tranh chấp thì các phần đất còn lại vẫn đảm bảo cho hợp đồng vay. Nay đại diện Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/11/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T12 trình bày:

Ông là cháu của ông Đ và bà L, ông không có nhận chuyển nhượng phần đất nào của bà L. Phần đất ông đang sử dụng là ông nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn C do ông C đứng tên và ông C đã sang tên tách thửa cho ông xong, hiện nay ông đứng tên phần đất sang này. Ông xác định ông không có liên quan gì đến phần đất tranh chấp giữa ông Đ và bà L. Phần đất Tòa án đo đạc thẩm định cũng không phải phần đất ông đang sử dụng.

Đối với phần đất ông đối với bà Huỳnh Thị L ông đang trồng sầu riêng. Tuy nhiên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Ông sẽ thỏa thuận riêng với bà Huỳnh Thị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc đổi đất và cây trồng.

Do ông bận nhiều việc và không có liên quan đến tranh chấp giữa ông Đ và bà L nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/11/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D2 trình bày:

Bà là cháu của ông Đ và bà L, bà có cổ đất của bà L nhưng theo bà được biết là phần đất bà L được cho riêng trước đó. Bà L đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất bà C2 không liên quan đến phần tranh chấp giữa ông Đ và bà L. Phần đất Tòa án thẩm định không liên quan đến phần đất bà nhận cầm cố. Do đó bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp có liên quan đến đất bà C2 thì bà cũng không có yêu cầu. Khi Tòa án giải quyết xong nếu có yêu cầu thì bà sẽ khởi kiện riêng. Bà không nhớ rõ số thửa đất bà C2 của bà L, bà C2 giá 60.000.000 đồng, tổng diện tích 3,5 công. Khi nào có tiền thì chuộc.

Do bà bận nhiều việc và không có liên quan đến tranh chấp giữa ông Đ và bà L nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/11/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị X trình bày:

Bà là cháu của bà Huỳnh Thị L và ông Huỳnh Tân Đ, bà có biết việc bà L và ông Đ có tranh chấp về quyền sử dụng đất. Bà không nhớ rõ thời gian, bà có đổi một phần đất của bà với ông T, phần đất đổi diện tích cụ thể bao nhiêu thì bà không nhớ rõ, trên phần đất này bà có trồng cây ăn trái là chanh và sầu riêng. Bà được biết phần đất bà đang sử dụng thuộc một phần của phần đất tranh chấp. Bà không nhớ rõ số

thừa. Bà là người trực tiếp đòi đất với ông T. Bà đã được Tòa án giải thích về quyền lợi của bà nhưng do bà và bà L, ông Đ là bà con với nhau nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án giải quyết xong phần đất này thuộc về ai thì bà sẽ tiếp tục thỏa thuận với bà L và ông T. Bà không có tranh chấp gì. Trường hợp không thỏa thuận được bà sẽ khởi kiện riêng thành vụ kiện khác. Bà thống nhất kết quả xem xét thẩm định đối với cây do bà trồng trên đất tranh chấp. Do bà làm công nhân xin nghỉ rất khó khăn nên bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/02/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn T3, bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn T5 cùng có ý kiến trình bày:

Ông bà là con của bà Huỳnh Thị L1 và ông Nguyễn Văn H5, cha ông bà chết năm 2023, mẹ chết năm 2024. Cha mẹ có 10 người con gồm: Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Thị Hồng T14 (đã chết năm 2019). Các ông bà có biết việc tranh chấp giữa di là bà Huỳnh Thị L và cậu ông bà là Huỳnh Tấn Đ. Mẹ của các ông bà tên là Nguyễn Thị Lê L5 còn sống không có yêu cầu gì trong vụ án này. Nay mẹ đã chết. Các ông bà là người thừa kế của mẹ cũng không có ý kiến gì trong vụ án này và yêu cầu Toà án cho ông bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V do ông Nguyễn Minh N4 đại diện trình bày: Ủy ban nhân dân huyện V đã có văn bản trả lời về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Huỳnh Tấn Đ là đúng. Ủy ban nhân dân huyện V đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2022 người làm chứng ông Nguyễn Thanh H4 trình bày:

Ông là con rể của ông Huỳnh Văn C1, là chồng của bà Nguyễn Ngọc T10.

Ông có ký tên vào Tờ di chúc do cha vợ Huỳnh Văn C1 đã lập ngày 10/01/1996. Lúc lập di chúc ông Huỳnh Văn C1 vẫn còn rất minh mẫn. Lúc lập di chúc có mặt đầy đủ các anh em trong nhà (vì ngay ngày đám giỗ). Ông Đ cũng có mặt nhưng không có phản đối gì còn lý do vì sao ông Đ không ký vào tờ di chúc thì ông không biết. Trước đó cha vợ ông đã chia đất đai cho các con hết, ai cũng có

phần, bà L và ông Đ cũng có phần rồi. Bà L đã được cho 05 công ruộng, ông Đ cũng được cho rồi nhưng ông không nhớ bao nhiêu. Phần còn lại ông C1 để dưỡng già. Nội dung di chúc là ông Huỳnh Văn C1 để lại phần đất còn lại của ông để dưỡng già cho bà Huỳnh Thị L vì bà L ở chung với ông và chăm sóc ông. Về phần đất cho trong di chúc cụ thể bao nhiêu và thửa nào thì ông không nhớ rõ. Tờ di chúc do vợ ông là Nguyễn Ngọc T10 ghi dùm ông C1 theo lời của ông C1. So với lúc ký vào Tờ di chúc thì hiện nay ông đã thay đổi chữ ký.

Lúc họp gia đình còn có anh rể thứ 2 là ông Nguyễn Văn H5 chứng kiến và ký tên, ông H5 đã chết.

Theo ông phần đất đang tranh chấp là của ông C1 để lại cho bà L thì thuộc quyền sử dụng của bà L, lý do vì sao ông Đ đứng tên thì ông không biết. Bà L trực tiếp sử dụng từ lúc còn ở chung với ông C1 và khi ông C1 chết bà L tiếp tục sử dụng cho đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2024 người làm chứng ông Võ Văn N5 trình bày: Ông không có họ hàng gì với ông Huỳnh Văn C1. Lúc ông Huỳnh Văn C1 còn sống có tạo lập được phần đất ruộng và vườn phần đất này do vợ chồng ông C1 tạo lập. Ông có nghe ông C1 nói là để lại cho bà Huỳnh Thị L phần đất vườn là phần đất tại nhà bà L ở và một phần ruộng vì bà L nuôi cha mẹ, không có chồng con. Sau đó, khoảng năm 1996 ông C1 có đến gặp ông nhờ xác nhận tờ di chúc. Ông C1 trình bày tờ di chúc này do ông tự nguyện lập để di chúc phần đất vườn và ruộng cho bà L. Ông xác nhận chữ ký tên trên tờ di chúc là của ông.

Tại phiên tòa các đương sự trình bày:

Ông Huỳnh Tấn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn, yêu cầu bà Huỳnh Thị L di dời trả lại phần đất theo diện tích đo đạc cho ông. Đối với cây trồng trên đất ông không có yêu cầu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị L, không thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có yêu cầu phản tố công nhận quyền sử dụng đất theo di chúc cho bà L. Rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Huỳnh Tấn Đ.

Ông Huỳnh Văn C và đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn B1 là ông Huỳnh Quốc T thống nhất ý kiến của bà Huỳnh Thị L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Đ, về yêu cầu bà Huỳnh Thị L trả lại phần đất tranh chấp.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị L.

Ôn định và công nhận quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 247 và thửa 246 có diện tích 3.066,6 m² (vị trí số I và vị trí số II), thửa 681 có diện tích 3.178,5 m² (vị trí số III), tờ bản đồ số 8, địa chỉ ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (cũ) theo mảnh trích đo đạc số 152 và 153 ngày 04/11/2019 cho bà Huỳnh Thị L sử dụng.

Bà Huỳnh Thị L có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000050 ngày 11/11/1996, do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ ông Huỳnh Tấn Đ.

Ngày 02/10/2025, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 185/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 185/2025/DS-ST theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Huỳnh Tấn Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Nguyên đơn trình bày: Phần đất tranh chấp bà L và ông Đ cùng sử dụng chung với ông C1, sau đó bà L tách ra ở riêng trên phần đất hiện tại có nhà của bà L. Ông Đ, bà L cũng chưa được cho phần đất nào. Tuy nhiên, phần đất này ông Đ đã được ông C1 cho kê khai đứng tên chủ sử dụng. Khi ông C1 cho ông Đ thì ông Đ phải có thực hiện một số nghĩa vụ cho ông C1. Do đó ông Đ mới được cho phần đất trên. Nguồn gốc phần đất là của vợ chồng ông C1 tạo lập nhưng ông C1 chưa được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất. Do đó, việc ông C1 lập di chúc vào tháng 01 năm 1996 khi chưa được cấp quyền sử dụng đất là không đúng quy định. Mặt khác, tháng 11 năm 1996 ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông C1 mới chết nên phần đất không còn là di sản thừa kế nên di chúc ông C1 lập không có hiệu lực. Hơn nữa trên phần đất còn có nền mộ do ông Đ đang chăm sóc quản lý. Còn quá trình sử dụng đất là hai bên cùng sử dụng. Nay thấy bà L cũng chưa có nhà để ở nên nguyên đơn đồng ý tách cho bà L một phần diện tích ngang khoảng 19m, dài 25m tại vị trí có căn nhà của bà L. Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, chừa lại cho bị đơn một phần đất nêu trên mà không yêu cầu bị đơn phải trả hết.

Vụ việc trên liên quan đến di chúc, theo nguyên đơn thì di chúc không hợp pháp. Trường hợp Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ sơ thẩm thì sẽ khó thi hành án nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Đại diện cho bị đơn trình bày: Trước năm 2015, bà L ở chung với ông C1 và ông Đ, ông Đ là người tách ra ở riêng chứ không phải bà L. Bà L là người thờ cúng ông bà từ trước đến nay. Nền mộ do bà L xây cất, khi xây cất ông Đ là người ngăn cản.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ là không có căn cứ vì phần đất các đương sự đều khai thống nhất là của ông C1, ông C1 đã lập di chúc cho bà L, bản di chúc thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Dân sự nên được xác định là hợp pháp. Ông Đ cho rằng đã được cấp quyền sử dụng đất nên yêu cầu bà L trả lại phần đất là không phù hợp, bởi ông Đ tự ý làm thủ tục sang tên phần đất mà không được sự đồng ý của ông C1 là không đúng pháp luật, việc ông Đ được cấp giấy sau thời gian ông C1 làm di chúc cho bà L nên không có căn chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Đ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ có đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo nguyên đơn theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 185/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Huỳnh Tấn Đ.

[2.1] Xét về nguồn gốc đất là của ông Huỳnh Văn C1 để lại, các đồng thừa kế của ông C1 đều xác định khi còn sống ông C1 đã phân chia đất cho các con và có chừa lại một phần để dưỡng già, phần đất này hiện do bà L đang quản lý thuộc thửa đất 246, 247, 248 có tổng diện tích là 3.066,6m² và thửa 681 có diện tích là 3.175,5m² thuộc tờ bản đồ số 8 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000050 ngày 11/11/1996 mang tên ông Huỳnh Tấn Đ. Các đồng thừa kế cũng xác định phần đất mà ông Đ đang tranh chấp với bà L là phần đất ông C1 chừa lại. Tuy nhiên, trước khi chết, ông C1 đã lập di chúc vào ngày 10/01/1996 cho bà L toàn bộ phần đất nêu trên. Tại thời điểm lập di chúc đều có mặt các con của ông C1 trong đó có ông Đ. Những người con khác đều đồng ý ký tên vào di chúc chỉ có mình ông Đ không ký tên. Đối với bản di chúc này đã có mời người không thuộc hàng thừa kế làm chứng, cấp sơ thẩm công nhận là di chúc hợp pháp là có căn cứ bởi đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995 về nội dung, hình thức.

[2.2] Mặt khác phần đất trên các đồng thừa kế đều khai thống nhất do bà L quản lý sử dụng từ khi ông C1 còn sống, bà L là người sửa chữa nhà cửa, cải tạo đất và chăm sóc cho ông C1. Trong các đồng thừa kế chỉ có ông Q1 và ông Đ không thừa nhận việc lập di chúc của ông C1. Tuy nhiên, phần đất là của ông C1 nên ông C1 có quyền tự định đoạt, di chúc cho bất cứ người nào mà không cần phải có ý kiến của các con, nên việc ông có di chúc cho bà L toàn bộ phần đất của ông không ai có quyền ngăn cản. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện cho ông Đ cho rằng ông C1 lập di chúc khi chưa được cấp quyền sử dụng đất và ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi ông C1 chết nên phần đất tranh chấp không còn là di sản thừa kế là không phù hợp với lời trình bày của chính đại diện nguyên đơn. Bởi lẽ, đại diện nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông C1. Ông Đ là người được ông C1 cho đất trên cơ sở ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ với

ông C1. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ gì với ông C1 và cũng không chứng minh được ông C1 cho nguyên đơn phần đất tranh chấp. Việc nguyên đơn ông Đ tự ý đăng ký quyền sử dụng đất chuyển sang tên mình không có sự đồng ý của ông C1 khi ông C1 đã lập di chúc cho bà L phần đất bà L đang quản lý là vi phạm quyền tự định đoạt và quyền sở hữu tài sản của ông C1.

[2.3] Xét về trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Tấn Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy chưa đảm bảo đúng quy định. Bởi phần đất là của ông C1, ông C1 và bà L đang quản lý sử dụng nhưng cơ quan cấp giấy lại cấp giấy cho ông Đ mà không có ý kiến của ông C1 và bà L. Việc cấp giấy sau khi ông C1 đã lập di chúc toàn bộ phần đất cho bà L là người nuôi dưỡng chăm sóc ông lúc tuổi già. Việc cơ quan chuyên môn tự ý cấp giấy cho ông Đ chỉ theo sự kê khai của ông Đ mà không xác minh nguồn gốc và người đang quản lý sử dụng đất làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà L và ông C1 tại thời điểm cấp giấy cho ông Đ. Ông Đ cho rằng ông chuyển nhượng của ông C1 nhưng không có chứng cứ chứng minh nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật, bảo đảm được quyền lợi chính đáng cho đương sự. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Nguyên đơn là người cao tuổi nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 185/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Tấn Đ được miễn.

3. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/6/2026).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- TAND khu vực 11 - Cần Thơ;
- P.THADS khu vực 11- Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mạc Thị Chiên